

NGUYỄN VĂN HIỆP*
TRẦN HẠNH MINH PHƯƠNG**

GIÁO XỨ LÁI THIÊU: TRUNG TÂM TRUYỀN GIÁO VÀ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CỦA CÔNG GIÁO BÌNH DƯƠNG (1747-1965)

Tóm tắt: Cuộc tranh chấp quyền lực Trịnh - Nguyễn kéo dài 45 năm (1627 -1672) cùng với chính sách cấm đạo gắt gao của các chúa Nguyễn khiến đời sống cư dân miền Thuận Quảng không chỉ thiếu thốn về vật chất mà còn khốn khổ về tinh thần, buộc họ phải rời bản quán đi tìm đất sống và Bình An (Bình Dương ngày nay) đất rộng người thưa là nơi lý tưởng cho những di dân Công giáo đầu tiên chọn định cư, lập nên giáo xứ đầu tiên ở Bình Dương - giáo xứ Lái Thiêu vào nửa đầu thế kỷ XVIII và trở thành nơi đặt Tòa Tổng Giám mục, chủng viện đào tạo chủng sinh. Dựa vào nguồn văn liệu của giáo xứ, bản thông tin giáo phận, công trình nghiên cứu của nhà truyền giáo và tư liệu điền dã bao gồm phỏng vấn sâu linh mục, giáo dân và văn bia ở khu đất thánh, bài viết trình bày về bối cảnh xã hội và sự ra đời của giáo xứ; vai trò là trung tâm truyền giáo và đào tạo linh mục của giáo xứ; vai trò thông truyền đức tin; vai trò giáo dục trẻ khuyết tật và nuôi dưỡng trẻ mồ côi. Qua đó, góp phần làm sáng tỏ lịch sử Công giáo Bình Dương cũng như vai trò của Công giáo đối với xã hội Bình Dương giai đoạn 1747-1965.

Từ khóa: Công giáo, giáo xứ Lái Thiêu, hoạt động tôn giáo, hoạt động xã hội, Lái Thiêu, Bình Dương, Việt Nam.

*, **Trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương.
Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Thủ Dầu Một trong đề tài mã số TL.21.4.003 “Công giáo Bình Dương (giai đoạn 1747-2017)” do PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệp làm chủ nhiệm.
Ngày nhận bài: 15/4/2024; Ngày biên tập: 18/4/2024; Duyệt đăng: 12/5/2024.

Dẫn nhập

Nếu đồng nhất niên đại hình thành Công giáo Bình Dương với năm Giáo phận Phú Cường chính thức ra đời (năm 1965) sẽ là sự sai sót. Dù chưa tìm thấy được tài liệu nào ghi chính xác thời gian Công giáo được du nhập vào vùng đất Bình An (nay là Bình Dương) vẫn có thể minh định giáo xứ Lái Thiêu là cái nôi của Công giáo Bình Dương từ cuối thế kỷ XVIII. Lịch sử hình thành giáo xứ Lái Thiêu cũng chính là lịch sử hình thành Công giáo Bình Dương, dù vậy, hiện vẫn chưa có một nghiên cứu chuyên sâu và hệ thống nào về giáo xứ này, do đó, việc nghiên cứu về lịch sử hình thành một giáo xứ là thật sự cần thiết đối với tiến trình phát triển của Công giáo ở Việt Nam.

Đây là một nghiên cứu liên ngành Sử học - Dân tộc học, khái quát bối cảnh và lịch sử ra đời của giáo họ theo hướng tiếp cận lịch sử “tái hiện trung thực bức tranh quá khứ của sự vật, hiện tượng theo đúng trình tự thời gian và không gian như nó đã từng diễn ra” [Nguyễn Văn Tạo, 1995: 38] nhưng để nhận diện được vai trò xã hội của giáo xứ đầu tiên đối với xã hội Bình Dương cần tiếp cận dưới nhãn quan của Tôn giáo học và Dân tộc học.

Là giáo họ đầu tiên khá nổi tiếng nhưng chưa có một công trình nghiên cứu chuyên sâu nào về giáo xứ Lái Thiêu trừ vài chi tiết được nhắc đến trong những công trình lịch sử Công giáo Nam Kỳ nói chung như: *La Cochinchine religieuse* [Tôn giáo Nam Kỳ] của Louvet Louis-Eugène (1885); *Histoire de la Mission de Cochinchine* [Lịch sử truyền giáo ở Nam Kỳ] (1688-1823) của Adrien Launay (1924); Lange, Claude (2004) *L'Église catholique et la société des missions étrangères au Vietnam: vicariat apostolique de Cochinchine, XVIIe et XVIIIe siècle* [Giáo hội Công giáo và Hội truyền giáo nước ngoài tại Việt Nam: Đại diện Tông tòa Nam Kỳ, thế kỷ 17 và 18], *Aux sources des Missions étrangères: Pierre Lambert de La Motte (1624 - 1679)* [Nguồn tư liệu của Cơ quan Truyền giáo Nước ngoài: Pierre Lambert de La Motte (1624 - 1679)] của Fauconnet-Buzelin, Françoise (2006); Lê Văn Khuê (2015) *Công giáo tại đồng bằng Nam Bộ trong các thế kỷ XVII và XVIII*, trình bày tình hình truyền giáo ở Nam Kỳ “Sau khởi đầu đầy hứa hẹn vào thế

kỷ 17, các nhà truyền giáo người Pháp gặp phải sự thù địch từ triều đình Huế vào thế kỷ 18, rồi bị đàn áp từ sau khi vua Gia Long băng hà” [Louvet, 1885]. Những nghiên cứu này có nhắc đến niên đại sớm nhất về sự hiện diện của giáo xứ Lái Thiêu là năm 1747; giáo xứ Lái Thiêu cũng từng là nơi đặt Toà Giám mục Giáo phận Tây Đàng Trong, Chủng viện đào tạo chủng sinh nhưng không trình bày một cách chi tiết về sự hình thành và vai trò của giáo xứ như một trong những trung tâm truyền giáo đến các khu vực xung quanh.

Bài viết này trình bày về giáo xứ Lái Thiêu với vai trò trung tâm truyền giáo và hoạt động xã hội của Công giáo Bình Dương từ khi ra đời đến khi giáo phận Phú Cường hình thành (1747-1965) dưới các khía cạnh: bối cảnh hình thành giáo xứ Lái Thiêu; trung tâm truyền giáo và đào tạo linh mục của giáo xứ; vai trò thông truyền đức tin; trung tâm đào tạo trẻ khuyết tật, đào tạo phổ thông và chăm sóc trẻ mồ côi.

1. Bối cảnh xã hội và sự hình thành giáo xứ Lái Thiêu

Bối cảnh lịch sử của nơi đi miền Thuận Quảng và nơi đến Đồng Nai - Gia Định nói chung, Bình Dương nói riêng là một trong những nguyên nhân đưa đến sự hình thành giáo xứ đầu tiên ở nơi này.

Cuộc tranh chấp quyền lực Trịnh - Nguyễn kéo dài 45 năm (1627-1672) khiến người dân ở miền Thuận Quảng khổ sở, đói rét “thời Chúa Nguyễn Phúc Thuận (1765-1775), ở Thuận Hóa (nay là Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế) luôn mấy năm mất mùa đói kém, nhà nước phải liên tục xuất kho lúa chẩn cấp cho dân đói, còn binh sĩ và nhân dân thì ly tán và sinh lòng hoang mang, lưng chừng)” [Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, 2010: 57], buộc họ rời bản quán đi tìm đất sống.

Hơn nữa, đối với người Công giáo ngoài khó khăn về đời sống vật chất họ còn chịu đựng những cuộc truy sát, bắt bớ, bị ngược đãi bởi các sắc chỉ cấm đạo của các Chúa Nguyễn: Nguyễn Phúc Nguyên (1625), Nguyễn Phước Lan (1639 và 1644), Nguyễn Phước Tần (1663 và 1665), Nguyễn Phước Trân (1691), Nguyễn Phước Chu (1700), Nguyễn Phước Khoát (1725) buộc họ phải rời quê hương lên thuyền vào Nam.

Việc thiếu thốn về vật chất, tổn thương về tinh thần là lực đẩy những người Công giáo ra đi tìm nơi ở mới có thể làm ăn sinh sống và giữ đạo, khi đó vùng đất thuộc huyện Bình An là nơi lý tưởng họ chọn dừng chân bởi: Cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, Sài Gòn – Gia Định nói chung và Bình An nói riêng dân cư thưa thớt, đất đai chưa được khai phá “bắt đầu từ Chân Bò” (Vũng Tàu – Bà Rịa ngày nay), hầu hết các vùng đều là rừng rậm, những cửa sông của con sông lớn chạy dài hàng trăm dặm, bóng mát um tùm của những cây cổ thụ và cây mây dài tạo thành những chỗ trú xum xuê. Tiếng chim hót và tiếng thú kêu vang dội khắp nơi. Vào nửa đường trong cửa sông, người ta mới thấy lần đầu cánh đồng bỏ hoang, không có một góc cây nào. Xa hơn tầm mắt chỉ toàn là cỏ cây đầy dẫy, hàng trăm ngàn con trâu rừng tụ họp từng bầy. Tiếp đó, nhiều con đường dốc đầy tre chạy dài hàng trăm dặm” [Châu Đạt Quan, 1970]. Điều này còn được Lê Quý Đôn ghi nhận trong *Phủ biên tạp lục* “ở phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ các cửa biển Cần Giờ, Lôi Lạp (hay Xoài Rạp), Cửa Đại, Cửa Tiểu trở vào, toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm” [Lê Quý Đôn, 1964: 243a].

Không thể tiếp tục sống nơi quê nhà, những lưu dân miền Thuận Quảng trong đó có người Công giáo đã đi vào phương Nam đất rộng người thưa. Đợt di dân lớn của người Công giáo là khi Chương Cơ Nguyễn Hữu Cảnh chiêu mộ lưu dân vào năm 1698 và sau năm 1710, khi cuộc cấm đạo trở nên gay gắt hơn. Một số đi thẳng đến Sài Gòn lập nên họ đạo Chợ Quán, số khác chọn định cư ở Lái Thiêu cũng là vùng đất ven sông Sài Gòn (sông Tân Bình) có nhiều kênh rạch thuận lợi cho ghe thuyền thông thương, đất đai phì nhiêu chưa có người khai phá.

Theo Lê Văn Khuê (2015), người Công giáo là một trong những nhóm người Việt đầu tiên di chuyển và định cư tại đồng bằng Nam Bộ. Vì muốn tìm đất sống mới, hoặc do có óc phiêu lưu hoặc vì trốn tránh sự cấm đạo của các chúa Nguyễn, khởi đầu họ đi lẻ tẻ theo những nhóm người khác, dần dà họ đi khai phá miền đất mới theo cộng đoàn, sống tập trung theo từng họ đạo khắp cả đồng bằng Nam Bộ [Lê Văn Khuê, 2015].

Như vậy, chính những giáo dân đóng vai trò du nhập Công giáo đến vùng đất Bình An chứ không phải là những nhà truyền giáo như Lê Văn Khuê (2015) nhận định “Vào buổi đầu khi mới đến, công việc của linh mục Garcia không phải là đi truyền đạo cho người chưa theo mà là đi tìm người lưu dân đã có đạo phân tán khắp nơi và quy tụ họ lại thành nhóm nhỏ, từng họ đạo nhỏ. Nếu chúng ta lần theo vết chân của linh mục ngang dọc khắp miền Nam Bộ để tìm kiếm và quy tụ người lưu dân Công giáo, chúng ta sẽ phát hiện được vào những năm 40 của thế kỷ XVIII các địa điểm Công giáo tại đây” [Lê Văn Khuê, 2015].

Trước khi Linh mục đến, người Công giáo di cư từ miền Trung quy tụ quanh khu vực gò nổng (nay là một phần dân Golf Sông Bé, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An) sinh sống và tạo lập nhà thờ đầu tiên, lấy đặc điểm địa hình nơi này đặt tên cho nhà thờ - Nhà thờ Họ Gò. Những ghi chép của các thừa sai cũng thừa nhận chính giáo dân tạo lập họ đạo Họ Gò, tiền thân giáo xứ Lái Thiêu và mãi hơn 74 năm sau giáo xứ mới có mặt của Linh mục:

Trong tập san *Missions Étrangères de Paris* N.33 (ngày 5/6/1964) Claude Charmot viết ở mục Histoire de l'Évangélisation “ (...) chúng tôi không viết về lịch sử truyền giáo ở Miền Nam Việt Nam vì không ai có thể biết chắc sự có mặt các cộng đoàn Kitô hữu ở đây từ lúc nào – chúng tôi có được dưới mắt một số thủ cáo viết tay của các giáo sĩ Thừa sai, đến sau khi chấm dứt cuộc bắt đạo, coi sóc tổ chức lại các họ đạo dò hỏi sự tích gốc từ thời hiện tại lần lên trên; các ngài viết lại những bản tường trình còn lưu lại cho đến ngày nay – những nơi như Đất Đỏ (Bà Rịa), Tân Triều (Đồng Nai), Lái Thiêu, Ba Giồng, Cái Nhum... là những họ đạo có nền nếp vững chắc về sanh [sinh] hoạt đời sống và đức tin, qua những thử thách cam go của cuộc sống và giữ đạo. Từ những nơi này đến những nơi khác, nhiều họ đạo kế tục được sanh sôi nảy nở, từng bước định cư và lập họ đạo từ nhỏ lần hồi phát triển, việc đáng nói là người Công giáo lúc bây giờ ảnh hưởng được môi trường sống.

Tài liệu khác - *Documents sur les chrétientés de Cochinchine* ghi rõ Lái Thiêu là một trong những họ đạo có trước năm 1747.

Một chứng cứ khác : SỐ ĐỊA DANH "HỌ ĐẠO" TRƯỚC NĂM 1747

Trích trong bài Documents sur les chrétientés de Cochinchine. Liste générale des églises et des oratoires, d'après les catalogues dressés par M. Rivoal pour les ME et pour la Propagande, par le P. Graff pour les Jésuites, et par le P. Philippe de la Conception pour les Franciscains. (Launay, 1747, t.II, 187).

Chỉ ghi từ Đông-Nai :

In Provincia Dou-nai (M.E.)

Ben-go 200

(Jésuites)

R.Dou-nai 400	Da-lua 500	Ben-go 250	Lai-thieu 400
Ke-tat 70	Dou-mon 40	R.Moi-xoai 100	Ba-ria 140
Nui-nua 50	Dat-do 380	Moi-thom 40	

In provincia Rai-gon (Franciscains)

Rai-gon-thong 1.000	Rai-gon-ha 1.500	Lai-thieu Ca-hong
Cai-nhum Cai-mung	Rach-tla Ben-ghe	Su-lao
Ba-vay Tambui	Cay-nam Bung-dung	Ta-lap
Ray-cat Ke-chuoi	Mi-lao Ben-me	Ke-coc
Ba-lum To-nay	Columpe Cay-gia	Mieu-xa-huong
Ranh-canh Cau-dua	Nha-ram Cau-duoc	Bach-duoc
Ban-tam Co-vua	Rach-mieu Mi-tho	Ke-be
Rac-la Ta-loat	La-nung Tan-loc	Quang-ruong
	Ba-tan	
	Ca-van	

(Nguồn: Nguyễn Văn Quý (1991), *Sưu tập những họ đạo cổ xưa*, tr.3)

Trong *Sưu tập những giáo họ đầu tiên* chép:

“Căn cứ vào các di tích còn sót lại và lời chứng của các vị bô lão thì họ Lái Thiêu là hậu thân của Họ Gò là vì nơi đây lô nhô những gò nong đượ che phủ bằng màu xanh của rừng. Tại phần đất này, hiện nay còn lại dấu vết các bậc thềm đá ong và một số mồ mã bằng đá ong có khắc thánh giá. Khu này còn lưu lại chứng tích của nền móng nhà thờ tiên khởi và là nơi yên nghỉ của số tín hữu cùng chung công sức xây dựng Họ Gò.

Sở dĩ, người xưa chọn nơi rừng rú và gò nong để dựng ngôi nhà thờ để phòng khi bị bắt đạo (thời gian này ở miền Trung đang cơn bắt đạo gắt gao). Đây cũng là thời kỳ phôi thai của giáo xứ Lái Thiêu.

Ngày 26-11-1744, Giám mục Benedictus XIV cử Linh mục Hilario Costa Giesu Hy, lúc đó đang phục vụ tại giáo phận Đông Đàng Ngoài, làm Khâm Sứ Tòa Thánh kinh lý Đàng Trong, Cambodia và Chàm. Trong biên bản của mười phiên họp được tóm lại trong khoảng 260

trang do Linh mục Adrien Launay làm thư ký, ghi lại: "tại Lai-thiêu (Lái Thiêu), năm 1747 có 400 giáo hữu". Về sau trong quyển *Lịch sử truyền giáo ở Đàng Trong (1688-1823)* [Histoire de la Mission de Cochinchine] Linh mục Adrien Launay đã kế thừa chi tiết này và ghi rõ "từ năm 1747 (giữa thế kỷ XVII) Lái Thiêu đã có tên trong danh sách 11 họ đạo của vùng Trấn Biên (Đồng Nai) với 400 giáo dân" [Vũ Văn Hợp, 2012: 35].

Trong *sưu tập những họ đạo cổ xưa ở Tây Đàng Trong*, phần *Họ Lái Thiêu* chép "Những người có đạo Thiên Chúa đến Lái Thiêu khoảng trước năm 1747 – số bổn đạo này từ miền Trung vào Nam theo nhóm người di dân của chúa Nguyễn – họ đến Mô Xoài (Bà Rịa) và từ đó phân tán các nơi tìm đất sống" [Nguyễn Văn Quý, 1991: 285].

Trong bài viết *Công giáo tại đồng bằng Nam Bộ trong các thế kỷ XVII và XVIII* Lê Văn Khuê (2015) xác định họ đạo Lái Thiêu đã hình thành từ năm 1739, là một trong 46 họ đạo thuộc khu vực thứ hai nằm về phía Bắc Sài Gòn "Năm 1739, họ này đã có một nhà thờ (nhà thờ Họ Gò là tiền thân của nhà thờ Lái Thiêu) rộng lớn với gần 400 giáo dân "những năm 40 của thế kỷ XVIII (...) tổng số giáo dân Công giáo (ở Nam Bộ) do dòng Phanxicô phụ trách là 5.500 người từ Sài Gòn đến Hà Tiên, có 66 nơi thờ tự gồm mười 14 nhà thờ, 11 nhà nguyện và 41 bàn thờ, tập trung tại 46 họ đạo lớn nhỏ ở trong bảy khu vực định cư như sau:

Khu vực thứ nhất chung quanh Sài Gòn gồm 2.500 giáo dân, có một nhà thờ ở Chợ Quán, một ở Chợ Lớn, một ở Bến Nghé và một nhà nguyện ở Rạch Cát;

Khu vực thứ hai nằm về phía Bắc Sài Gòn, dọc theo sông Sài Gòn, có nhiều họ đạo và họ lớn nhất là Lái Thiêu. Năm 1739 họ này đã có một nhà thờ rộng lớn với gần 400 giáo dân" [Lê Văn Khuê: 2015]. Dấu vết về họ đạo Họ Gò được lưu lại qua các bậc thềm đá ong vốn là nền móng của nhà thờ xưa; một nghĩa trang có khoảng 30 ngôi mộ đá ong có khắc hình thánh giá còn nguyên vẹn (cho đến trước khi nơi này được giải toả xây dựng sân golf Sông Bé năm 1992) vốn là những giáo dân đầu tiên định cư ở xứ Lái Thiêu.

Người sáng lập Họ Gò là ông Philippe Nguyễn Tám và bà Maria Nguyễn Thị Y, hài cốt của hai vị này được Linh mục Chánh xứ Lái Thiêu là Ernest Verney cải táng từ đất thánh Họ Gò đem về an táng trong nhà thờ Lái Thiêu. Điều này cho thấy, ông bà phải là người có công rất lớn trong việc xây dựng Họ Gò nên được giáo hội dành cho đặc ân an nghỉ trong nhà thờ.

Như vậy, trước khi các linh mục đến truyền giáo ở huyện Bình An đã có giáo dân sống tập trung, hình thành họ đạo cổ xưa nhất là Họ Gò là tiền thân của giáo xứ Lái Thiêu. Giai đoạn đầu từ khi ra đời đến đầu thế kỷ XIX số giáo dân tăng nhanh: từ 400 người (năm 1747) đến khi thiết lập giáo phận Tây Đàng Trong (1844) hàng năm có từ 500 đến 600 người lớn theo đạo nên số giáo dân tăng đều [Nguyễn Văn Tề, 2024]. Năm 1800, trong số 50.000 giáo dân ở Đàng Trong, Lái Thiêu có 3.547 giáo dân [Phạm Thị Vân Anh, 2014:22]. Nhưng về sau số giáo dân giảm, theo thống kê năm 1938, trên phần đất của giáo phận Phú Cường hiện nay, số người Công giáo là 13,799 tín hữu trong đó giáo xứ Lái Thiêu có gần 4.000 giáo dân [Nhà Thờ Lái Thiêu, 2024] nhưng hiện nay chỉ có 3.100 giáo dân.

2. Trung tâm truyền giáo và đào tạo chủng sinh

Từ một họ đạo do giáo dân tạo lập, sau hai thập kỷ họ đạo (Họ Gò) có nhà lãnh đạo tôn giáo, lần đầu tiên nhà thờ được dựng nên “có bàn thờ Chúa do Đức Giám mục Bá Đa Lộc (Pierre Joseph Georges Pigneau de Behaine¹) cho xây đơn sơ từ năm 1771” [Vũ Văn Hợp, 2012: 36].

Thời kỳ nội chiến giữa Tây Sơn –Nguyễn Ánh trên đất Gia Định (1771-1789), ở Nam Bộ giáo dân tản mác đi tìm nơi lánh nạn như Taboulet mô tả “trong thời gian chiến tranh, số giáo dân bị giảm sút rất nhiều, vì loạn lạc, vì đói khát, vì bị cả hai bên cùng bắt lính. Trong khi đó các sinh hoạt tôn giáo và truyền đạo bị tình hình làm ngưng trệ trầm trọng. Dân chúng bị đè nặng dưới những ách không thể chịu nổi phải trốn chạy và lang thang khắp miền để tránh các luật lệ vừa nhiều lại vừa nặng: họ thay đổi chỗ ở và đổi tỉnh mỗi ngày” [Taboulet, 1940: 77]. Dù vậy, giáo xứ Lái Thiêu vẫn là nơi các linh mục ẩn náu. Theo tài liệu *Công giáo tại đồng bằng Nam Bộ trong các thế kỷ XVII và*

XVIII, họ đạo Lái Thiêu là nơi một vị Linh mục người Việt lánh nạn trước sự truy lùng của quân Tây Sơn “tháng 3 năm 1783 khi quân Tây Sơn đánh chiếm Gia Định lần thứ tư, các thừa sai đã rửa tội được 93 người lớn [Louvet, 1885: 404], nhưng sau đó lại phải bỏ các họ đạo để chạy trốn sự truy lùng của quân Tây Sơn, trừ hai linh mục người Việt, một ẩn náu trong họ đạo Lái Thiêu và một ở Sa Đéc” [Lê Văn Khuê, 2015]. Từ đó có thể suy đoán rằng, trong thời kỳ nội chiến, họ đạo Họ Gò khá yên ổn, lịch sử giáo xứ Lái Thiêu ghi “trong suốt thời kỳ bất đạo, Họ Gò là trung tâm gặp gỡ của các Giám mục, Linh Mục, Tu sĩ và giáo dân các vùng ở Brolam (dân tộc), Đá Trắng (Bố Mua), Thủ Đức và Tân Quy. Thời gian này được ước đoán kéo dài trên 40 năm, từ khi thành lập Họ Gò đến năm 1787” [Vũ Văn Hợp, 2012: 38]

Năm 1782, khi Nguyễn Ánh chiếm thành Gia Định, Linh mục Pigneau de Béhaine và nhiều linh mục khác trở lại truyền giáo ở Sài Gòn và Lái Thiêu. Con bắt đạo tạm lắng dịu, linh mục và giáo dân có thể công khai đời sống đạo, số giáo dân cũng gia tăng. Để việc tham dự thánh lễ của giáo dân thuận lợi, nhà thờ thứ hai của Họ đạo Họ Gò được dựng “bằng vật liệu nhẹ, mái ngói, vách ván, mặt tiền hướng về sông Sài Gòn” [Vũ Văn Hợp, 2012: 39]. Nhà thờ này cách nhà thờ hiện nay khoảng 30m về phía trường học, cạnh nhà các Soeur Dòng Thánh Phaolô “địa điểm được chọn thời ấy và mãi đến ngày nay là một mồm đất đá cao, chung quanh được phủ mát bởi các tàng cây cổ thụ tạo nên một khung cảnh thiên nhiên mát mẻ, đẹp đẽ và đầy trang nghiêm” [Vũ Văn Hợp, 2012: 39]

Nhà thờ được cất bằng vật liệu nhẹ, mái ngói, vách ván, mặt tiền hướng về sông Sài Gòn, thuận tiện cho việc giao thông. Nhà thờ được xây trên gò đất đá cao, nơi đây trở thành trung tâm truyền giáo ở Đàng Trong với hai nhóm thừa sai truyền giáo: Dòng Tên và dòng Phanxicô.

Trong 31 năm từ khi Nguyễn Ánh chiếm lại Gia Định (tháng 10/1787) và lên ngôi hoàng đế lập nên triều Gia Long (1802-1820) “không một lệnh cấm đạo nào được ban hành, các giáo sĩ đều cho rằng đây là giai đoạn thuận lợi cho việc truyền giáo ở Việt Nam” [Đỗ Bang, 2010]. Một giáo sĩ đã viết : “Các thừa sai ở Nam Bộ được làm tất cả những gì họ

muốn... Mọi người đều kính trọng họ, vị nể họ, họ hoạt động với bộ máy tổ chức lớn là không ai cản trở họ” [Launay, 1924: 221].

“Đồng Nai (Gia Định) nằm ngoài sự khống chế tàn bạo đang hoành hành khắp vương quốc này. Tại đây, hoạt động tôn giáo không những được khoan dung mà còn được hoàn toàn tự do. Khác với các tỉnh thành khác trong cả nước, tại đây các tín đồ Thiên chúa và những người tin những điều mê tín dị đoan trái ngược với các tín đồ đạo Thiên chúa đều không bị điều tra về những điều mê tín của họ”². Nhờ sự thuận lợi này, Lái Thiêu trở thành trung tâm của Giáo hội Miền Nam với đại chủng viện (1789) đào tạo các chủng sinh bản xứ để trở thành Linh mục, Tòa tổng giám mục và dòng tu Mến Thánh giá. Trong “*Đại chủng viện thánh Giuse Sài Gòn – 150 hình thành và phát triển*” ghi rõ: “Ngày 30 tháng 5 năm 1798, Đức Giám mục Pigneau viết cho Linh mục Boiret, Hội thừa sai Paris “Đại chủng viện từ khi trở về từ Thái Lan vẫn duy trì tại Tân Triều. Nhưng vùng đất ở đây khá ẩm thấp, cho nên tôi vừa xây dựng một Chủng viện khác ở “Lai-Thiu” (Lái Thiêu), tại một nơi cao ráo với khí hậu rất trong lành. Tiểu chủng viện vẫn ở Tân Triều, tại cơ sở của Đại chủng viện (trước đây)”³. Số chủng sinh ban đầu của chủng viện là 24 người. Trong bức thư linh mục Liot linh mục Boiret ngày 25 tháng 6 năm 1799 đã viết: “24 chủng sinh cũ đã chuyển qua Đại chủng viện ở Lai-Thiu và 50 chủng sinh mới đã vào trong chủng viện ở Đồng Nai. Họ đã qua 8 ngày tĩnh tâm, sau đó họ đã bắt đầu chương trình học tập”⁴.

Đáng tiếc, không tìm được một thống kê đầy đủ số chủng sinh do Đại chủng viện Lái Thiêu đào tạo trong 43 năm (1789 -1833), chỉ có được số chủng sinh năm đầu tiên thành lập (1798) là 24 người từ Tân Triều chuyển qua và năm 1833 như ghi nhận của linh mục Régéreau “ngày 6 tháng 1 năm 1833, vua Minh Mạng ra chỉ dụ cấm đạo theo đó, tất cả các cơ sở thờ tự của Công giáo đều bị triệt hạ (...) chủng viện Lái thiêu mà chúng tôi phải tiêu tốn nhiều tiền bạc đang có 15 chủng sinh thân học, trong số đó có 1 phó tế, 1 phụ phó tế, 2 thầy chức nhỏ, 5 thầy chức cắt tóc. Ngoài ra còn có 13 thầy học tiếng La tinh. Chủng viện này nay bị phân tán”⁵ [Tùng Phêrô Nguyễn Thanh Tùng, 2012].

Cuộc bách đạo kéo dài và Chung viện tản lạc khắp nơi, cho đến khi Đức giám mục Dominique Lefèbvre nhận nhiệm vụ Giám mục Giáo phận Tây Đàng Trong quyết định tái lập lại Chung viện tại Thị Nghè, và Lái Thiêu không còn vai trò đào tạo chủng sinh.

Bên cạnh vai trò đào tạo chủng sinh, từng là nơi đặt Toà Giám mục Giáo phận Tây Đàng Trong (1830) Lái Thiêu còn là trung tâm truyền giáo. Linh mục Jean Louis Taberd (được tấn phong ở Thái Lan) được bổ nhiệm làm Giám mục giáo phận Tây Đàng Trong đặt Tòa tổng Giám mục tại Lái Thiêu vào tháng 6/1830. Sau đó, Ngài Tổng giám mục cử hai nữ tu Mi và Sang (từ Bình Định vào) lập dòng Mến Thánh Giá Lái Thiêu” [Vũ Văn Hợp, 2012: 36]. Điều này chứng tỏ, những năm đầu dưới triều Minh Mạng, khi tả quân Lê Văn Duyệt còn làm tổng trấn thành Gia Định, Lái Thiêu chưa bị bách đạo. Trong bối cảnh không khí cấm đạo bao trùm khắp nơi, Lái Thiêu vẫn yên bình là nơi đào tạo linh mục và tiến cử hàng giáo phẩm bản xứ. Từ đó cho thấy, Công giáo Bình Dương có vai trò quan trọng lịch sử Công giáo Đàng trong. Theo Lucien de Grammont “trong thời gian dài, ngôi làng Thiên chúa giáo rộng lớn Lái Thiêu là nơi ở của các nhà truyền giáo Tây Đàng Trong”⁶ [Grammont, 1863:143].

Đầu năm 1849, Đức Giám mục D. Lefèbvre Ngài tấn phong giám mục cho Linh mục J.C. Miche Mich tại Lái Thiêu. Tháng 8/1856, Đức cha Lefèbvre bị trục xuất sang Singapore, nhưng năm 1857, ngài lại có mặt tại Lái Thiêu để coi sóc giáo phận.

Vua Gia Long đã có lời dặn không được cấm đạo nhưng các triều Minh Mạng (1820 -1840), Thiệu Trị (1841-1847), Tự Đức (1848 - 1883) đều chủ trương cấm đạo. Tuy nhiên, ở Nam Bộ trong đó Bình Dương từ năm 1820 -1832 vẫn chưa xảy ra việc sát hại người Công giáo bởi Lê Văn Duyệt cho rằng việc cấm đạo, bắt bớ, chém giết các nhà truyền giáo và giáo dân là một chính sách sai lầm. Ông không phổ biến lệnh cấm đạo từ Kinh thành Huế nên những trấn miền Nam không biết để truy lùng các giáo sĩ (Cao Thế Dung, 2003:1466-1469)]. Nhờ vậy, giáo dân được thông dong giữ đạo, họ đạo đầu tiên của Bình Dương, giáo xứ Lái Thiêu đã có điều kiện lớn mạnh để sau đó có đủ nguồn lực để đi truyền giáo ra các khu vực lân cận.

Sau khi Tổng trấn Thành Gia Định Lê Văn Duyệt qua đời, không còn ai dám can ngăn, vua Minh Mạng (từ năm 1833 đến năm 1840) đốc thúc việc sát hại tín hữu Công giáo ban hành thêm năm chỉ dụ cấm Đạo gặt gao vào các năm 1833, 1834, 1836 và 1838, 1839 vì cho rằng những giáo lý Công giáo, nghịch lại với chính đạo (đạo Khổng).

Dưới thời Thiệu Trị, nhà vua vẫn duy trì chính sách cấm đạo được ban hành từ thời Minh Mạng nhưng không quyết liệt như triều vua trước. Tuy nhiên, năm 1847, Đô đốc Cécille chỉ huy hải quân Pháp đến uy hiếp, năm chiến thuyền của triều đình ở cửa biển Đà Nẵng bị tàu Pháp tấn công. Vua Thiệu Trị ra lệnh chém các quan đã không hoàn thành nhiệm vụ giữ cảng và chỉ thị cho các quan địa phương nghiêm khắc thực hiện lệnh bắt đạo trên cả nước.

Những 1848 – 1861 là thời kỳ khốc liệt trong cuộc chiến Việt – Pháp không cân sức cũng là thời kỳ sát đạo gay gắt của triều đình Huế đối với các nhà truyền giáo và giáo dân buộc giáo dân và linh mục đi lánh nạn ở những nơi xa xôi, đây cũng là một trong những nhân tố đưa đến sự ra đời những họ đạo ở vùng hẻo lánh của Gia Định và Bình An (nay thuộc Thủ Đức, Bình Phước). Những họ lẻ này được linh mục chánh xứ Lái Thiêu coi sóc. Lịch sử giáo xứ Lái Thiêu chép:

Họ đạo Bồ Mua (giáo xứ Vĩnh Hòa ngày nay) khởi nguồn từ việc những người Công giáo ở Lái Thiêu, Búng, chạy trốn khỏi sự bách đạo của triều Nguyễn “trải qua nhiều thời kỳ bách hại đạo Công giáo của vua chúa Việt Nam, người có đạo không thể định cư lâu dài ở một địa phương nào, nhất là những vùng thị tứ. Hiểu rằng phải trốn đi càng xa càng tốt, càng là vùng hoang vu thì càng bảo đảm sự sống và việc giữ đạo, các tín hữu thời đó đã tìm và chọn một nơi xa xôi như Bồ Mua... trong thời gian này Linh mục Henri Azémar và P.Arnaud coi sóc giáo họ. Năm 1867, linh mục Henri Azémar đã cho dựng tạm một mái nhà tranh để thực hiện thánh lễ, được xem là nhà thờ đầu tiên của họ Bồ Mua khi đó có 264 giáo dân” [Vũ Văn Hợp, 2012: 39].

Ngoài ra, từ Lái Thiêu giáo dân còn di cư đến khai khẩn đất hoang và cùng tụ cư tại Tân Quy, Thủ Đức đã tạo lập nên Họ đạo Tân Quy (thuộc xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh ngày nay) năm 1783, họ Thủ Đức năm 1879. Khi đã có họ đạo, linh mục

chánh xứ Lái Thiêu cho xây dựng nhà thờ, thân chinh đến thực hiện thánh lễ và các bí tích cho giáo dân.

Từng là nơi đặt Toà tổng Giám mục Tây Đàng trong, nơi có chủng viện, hai nhóm thừa sai truyền giáo Dòng Tên và Dòng Phanxicô, dòng tu Mến thánh giá giáo xứ Lái Thiêu thật sự là một trung tâm truyền giáo của Công giáo Nam Bộ nói chung, Công giáo Bình Dương nói riêng.

3. Trung tâm “thông truyền đức tin”

“Thông truyền đức tin” được hiểu là việc truyền bá đức tin về Chúa, giáo hội bằng chính cuộc đời Kitô hữu sống [Truyền thông Vatican, 2018]. Là cái nôi của Công giáo Bình Dương (Giáo phận Phú Cường) từng là trung tâm của giáo phận Tây Đàng Trong, giáo xứ Lái Thiêu trở thành nơi hội tụ các vị thừa sai truyền giáo, linh mục bản xứ và nhiều tu sĩ đóng vai trò “thông truyền đức tin” trong cộng đoàn suốt hơn hai thế kỷ (1747 -1965)⁷. Đức tin được thông truyền qua công việc mục vụ được thực hiện bằng tình yêu cũng như “đời sống chứng tá” của giám mục, linh mục, phó tế đến nhận sứ vụ tại giáo xứ Lái Thiêu hay những người trưởng thành từ giáo xứ đi thực hiện sứ vụ khắp mọi nơi.

Lái Thiêu là giáo xứ đầu tiên có Giám mục Pigneau de Béhaine đến quản nhiệm từ năm 1782 thực hiện các hoạt động mục vụ “dâng lễ, tổ chức dạy giáo lý, thăm hỏi người bệnh, cử hành các Bí tích Thánh Thể, Giải Tội, Thêm sức, Sức dầu bệnh nhân, cử hành các lễ trọng như Giáng sinh, Phục sinh [Vũ Văn Hợp, 2012: 82]. Đến thời linh mục Chánh xứ Heri Azémar (1866-1895) chương trình trở nên quy củ hơn “hàng ngày Cha sở phụ trách thánh lễ sáng và chiều. Chúa nhật thêm thánh lễ nhì dành cho thiếu nhi lúc 7g sáng và thánh lễ thứ III lúc 4 giờ 30 chiều. Mỗi tháng Chúa nhật đầu tháng đều có ban phép Rửa tội cho trẻ sơ sinh. Mỗi thứ sáu đầu tháng Cha đem Minh Thánh Chúa và ban phép giải tội cho bệnh nhân và người già yếu. Các lớp giáo lý được tổ chức nền nếp gồm lớp thiếu nhi chuẩn bị rước lễ lần đầu, chuẩn bị nhận Bí tích Thêm sức và Rước lễ trọng thể do nữ tu đang Thánh Phaolô phụ trách. Cha còn tổ chức các lớp giao lý Dự tòng và giáo lý hôn nhân hàng ngày vào 7 giờ tối. Các lễ Giáng sinh

và Phục sinh có diễn hoạt cảnh để giúp giáo dân sốt sắng tham dự các nghi thức phụng vụ. Hàng năm vào mùa chay, Cha đều tổ chức tĩnh tâm trong ba ngày và mời cha khác về giảng tĩnh tâm và ban phép giải tội” [Vũ Văn Hợp 2012: 82]. Vì vậy, giáo dân sinh sống ở những vùng xung quanh thường phải về Lái Thiêu tham giáo hoạt động tôn giáo vô hình trung Lái Thiêu là trung tâm thông truyền đức tin. Đối với những gia đình Công giáo toàn tòng ở đây sinh hoạt tôn giáo trở thành một phần tất yếu của họ. Điều này, để lại dấu ấn sâu sắc trong lòng mỗi giáo dân như Antôn Nguyễn Văn Niên giải bày tình yêu với giáo xứ “vì sao tôi yêu giáo xứ của tôi, thưa vì tôi được sinh ra và lớn lên ở đây, và khi mới bước vào đời tôi được đưa đến nhà thờ nhận lãnh bí tích Rửa tội, được gia nhập vào giáo xứ... đồng thời được học chữ, biết đọc, biết viết, được học giáo lý” [Vũ Văn Hợp, 2012: 215].

Điều quan trọng hơn sự hiến dâng cuộc sống để phục vụ tha nhân nơi những giám mục, linh mục, tu sĩ được giáo hội bổ nhiệm đến Lái Thiêu là phương cách “thông truyền đức tin” trong cộng đoàn hiệu quả nhất, như hồi ức của Antôn Nguyễn Văn Niên nêu “[...] các vị Thừa sai qua Lái Thiêu không những lo cho nhiều người vào đạo biết Chúa không kể công lao khổ cực, còn phải học tiếng bản xứ. Các Ngài còn lo cất nhà thờ mà chúng ta đang được hưởng nhờ...” [Vũ Văn Hợp, 2012: 216].

Trong lòng giáo dân Lái Thiêu, linh mục Toma Phan Minh Chánh có 32 năm gắn bó với giáo xứ là một linh mục có nếp sống bình dân, giản dị, biết lắng nghe, tiết kiệm khi tổ chức tiệc tùng nhưng hào phóng đối với những gia đình khó khăn có thân nhân mắc bệnh nặng... [Vũ Văn Hợp, 2012: 236].

Trong số những nữ tu, soeur Isabelle thuộc Saint Paul de Chartres được nhiều học trò (sau này trở thành linh mục hay tu sĩ) nhớ nhiều nhất bởi “con đường tu tập và truyền giáo của soeur gắn liền với lịch sử xây dựng và phát triển của trường Tiểu học Công giáo, giáo xứ Lái Thiêu... điều quý nhất ở soeur là soeur đặc biệt lưu tâm giúp đỡ, an ủi, chia sẻ với những đứa học trò nhỏ thuộc những gia đình nghèo khó, thiếu thốn... soeur dùng tình thương, kiên trì khuyên răn, dạy bảo học trò... không thể nói hết được lòng kính trọng và biết ơn của học

trò đối với sự đạo đức, gương mẫu và tận tâm của soeur Isabelle (cùng những soeur khác)” [Vũ Văn Hợp, 2012: 236]. Đời sống chứng tá của các soeur có ý nghĩa lớn đối với những học trò của trường Tiểu học Công giáo Lái Thiêu “nếu bạn đang ở đâu đó, bỗng gặp ai đó. Và người đấy nói rằng tôi là học trò của Bà Bên (tên gọi thân mật của soeur Isabelle), trường Tiểu học Công giáo thuộc giáo xứ Lái Thiêu. Thì bạn ơi, chắc chắn đó là người tốt. Tốt như người thầy của học vậy” [Vũ Văn Hợp, 2012: 238].

Một giáo xứ có bề dày lịch sử hơn 200, Lái Thiêu là nơi xuất thân của “một Tổng giám mục, trên 20 linh mục, nhiều tu sĩ... thánh tử đạo” [Vũ Văn Hợp, 2012: 216] có nhiều đóng góp cho sứ vụ thông truyền đức tin: Tổng giám mục Phêrô Nguyễn Văn Tốt xuất thân từ một gia đình Công giáo ở xứ Lái Thiêu, là cháu của Thánh Matthêu Lê Văn Gấm, từng học trường tư thục Công giáo Lái Thiêu do nữ tu dòng thánh Phaolô điều hành, sau đó tu học tại Tiểu chủng viện Thánh Giuse Sài Gòn, rồi Đại chủng viện truyền giáo Rome. Ngài đạt văn bằng tiến sĩ Thần học, tiến sĩ Kinh thánh và cử nhận Giáo luật; được thụ phong Linh mục (năm 1974) rồi Tổng giám mục (năm 2003), trải qua các sứ vụ ở nhiều quốc gia khác nhau: đi truyền giáo tại Cộng hòa Zaire (Châu Phi), thư ký Tòa sứ thần Tòa thánh tại Panama (Trung Mỹ), Brazil (Nam Mỹ); cố vấn Sứ thần Tòa thánh tại Pháp, Sứ thần Tòa thánh tại Bénin và Togo (Châu Phi), tại nước Cộng hòa Tchad và Cộng hòa Trung Phi, tại Costa Rica (Trung Mỹ). Đức tin được thông truyền bằng đời sống chứng tá của ngài, một phóng viên người Costa Rica viết “Đức Sứ thần Tòa thánh người Việt Nam rất gần gũi, cởi mở với những người láng giềng và các tín hữu Công giáo, cho mở cửa nhà nguyện của Tòa sứ Thần để giáo dân vào dự lễ. Đức Tổng Phêrô Tốt luôn sẵn sàng tiếp đón những ai đến viếng thăm hay công vụ mà không cần hẹn gì cả, kể cả muốn xưng tội với ngài... Ngay cả những ai muốn xin vài cành hoa về làm kỷ niệm ngài cũng dặn người chăm sóc cứ cho...” [Vũ Văn Hợp, 2012: 116].

Dù rất bận rộn với vai trò Sứ thần Tòa Thánh khắp năm châu ngài vẫn dành thời gian trở về thăm quê hương Lái Thiêu những ba lần

(1994, 2005, 2007) cho thấy, Lái Thiêu có một vị trí quan trọng trong lòng ngài và Lái Thiêu cũng được năm châu biết đến thông qua ngài.

Hai mươi linh mục xuất thân từ giáo xứ Lái Thiêu trở thành linh mục chánh xứ Bến Sắn, Phú Lâm, Xuân Lộc, Tân Quy, Búng, Tân Định... cũng từ Lái Thiêu, các nữ tu đi lập dòng Cát Minh tại Hà Nội, Huế, Thái Lan, Nam Vang, trở thành nữ tu dòng Bác Ái Vinh Sơn, dòng Mến Thánh giá Thủ Thiêm, Chợ Quán, dòng Taberd Lasan, dòng Đa Minh Thánh tâm... Tất cả họ đều thực hiện sứ vụ thông truyền đức tin.

Hơn nữa, giáo xứ Lái Thiêu còn “sản sinh” ra một vị thánh tử vì đạo, thánh Matthêu Lê Văn Gẫm. Ngài làm nghề buôn bán, ngày 23/5/1846, chở ba chủng sinh và Giám mục Lefebvre (vốn bị triều Nguyễn trục xuất) từ Singapore về Sài Gòn, khi thuyền cập bến, ngài bị bắt giam, rồi bị xử tử hình vào ngày 11/5/1847. Đức giáo hoàng Gioan Phaolô II đã phong thánh cho ngài cùng với 116 Thánh tử đạo Việt Nam vào ngày 19/06/1988.

Như vậy, vai trò “thông truyền đức tin” của giáo xứ Lái Thiêu trong cộng đoàn được thể hiện qua các hoạt động mục vụ ở nhà thờ, qua đời sống chứng tá của những linh mục, tu sĩ gắn bó với giáo xứ và cả những người xuất thân từ giáo xứ Lái Thiêu đi thực hiện sứ vụ Công giáo ở khắp mọi miền trên đất nước Việt Nam và cả thế giới.

4. Trung tâm hoạt động xã hội: giáo dục trẻ khuyết tật, giáo dục phổ thông và nuôi dạy trẻ mồ côi

Hòa ước Giáp Tuất năm 1874 cho phép Công giáo được mở rộng hơn nhiều so với Hòa ước Nhâm Tuất năm 1862, như: “Các giám mục, nhà truyền giáo và linh mục An Nam sẽ có quyền mua và thuê đất để xây dựng nhà thờ, bệnh viện, trường học, trại trẻ mồ côi và tất cả các tòa nhà khác nhằm phục vụ việc thờ phượng của tôn giáo” [Lê Thị Hoa Marie, 2022: 7], nên Công giáo nói chung và giáo xứ Lái Thiêu nói riêng có điều kiện thực hiện các hoạt động xã hội như giáo dục trẻ khuyết tật, giáo dục phổ thông và nuôi dạy trẻ mồ côi.

Giáo dục trẻ khuyết tật

Với tầm nhìn sâu rộng và kinh nghiệm của một nhà truyền giáo lão luyện, linh mục Henri Azémar cho rằng “để công cuộc truyền giáo đạt được nhiều kết quả, cần phải có nhiều phương kế khác đi kèm, và một trong những phương kế hữu hiệu nhất là công việc bác ái – từ thiện nên Linh mục thành lập trường dạy cho các em khuyết tật câm điếc. Sau thời gian cân nhắc Ngài chọn Micae Nguyễn Văn Trường, một thanh niên bị câm điếc nhưng thông minh và hoạt bát gởi sang học tại trường câm điếc của linh mục Fabrègan ở Rodez vào năm 1880. Sáu năm sau Nguyễn Văn Trường hoàn thành tốt khóa học, trở về nước, Linh mục Azémar chính thức cho thành lập trường Câm điếc Lái Thiêu thu nhận nhiều trẻ em khuyết tật vào năm 1886 [Vũ Văn Hợp, 2012: 57]. Nguyễn Văn Trường trở thành cộng sự đắc lực của linh mục Azémar trong việc điều hành và giảng dạy.

Không chỉ dạy học trường còn cung cấp miễn phí cho học sinh việc ăn ở nên linh mục Azémar phải đi vận động nhiều tổ chức và cá nhân mạnh thường quân hỗ trợ tài chính. Vì là trường đầu tiên dạy cho học sinh câm điếc nên nhà trường cần soạn quyển tự điển dành riêng cho các em khuyết tật câm điếc. Bằng sự nhiệt tâm cống hiến thời gian và công sức của nhiều người (trong đó quan trọng nhất là Nguyễn Văn Trường, người được đào tạo chính quy có chuyên môn sâu về dạy trẻ em khuyết tật câm điếc) quyển tự điển chuyên biệt dành cho người khuyết tật câm điếc cũng đã hoàn thành.

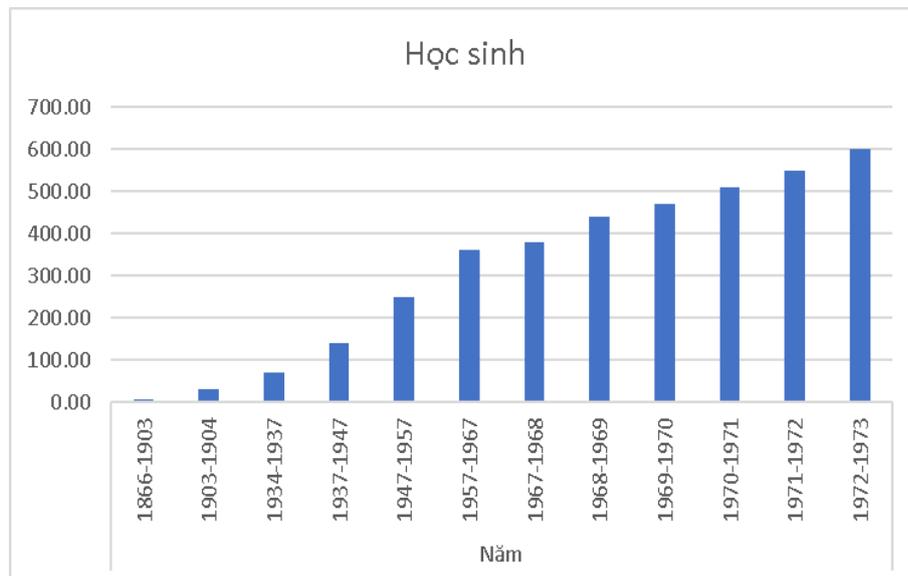
Sau chín năm điều hành trường (1886 – 1895) mọi việc trở nên khá quy cũ cũng là khi linh mục Azémar tuổi cao, sức yếu đã qua đời. Linh mục chánh xứ giáo xứ Lái Thiêu E. Verney (đã từng cộng tác với linh mục Azémar) tiếp quản công việc điều hành trường đến khi các nữ tu dòng Thánh Phaolô do nữ tu Gabrielle là Trưởng Cộng đoàn chính thức tiếp quản việc nuôi dạy các em câm điếc vào năm 1903.

Năm 1934, nhà Dòng đã cử hai nữ tu Monica Nguyễn Thị Tịnh và Simone Philippe sang Pháp học thêm về chuyên ngành giáo dục câm điếc tại trường Nogent le Rotrou [Nguyễn Hiếu Học, 2017:71]. Năm 1937, hai nữ tu về nước, tổ chức lại trường Câm điếc Lái Thiêu có quy

cũ hơn về sinh hoạt, chuyên nghiệp hơn về giảng dạy học tập và hướng nghiệp. Nữ tu Monica Nguyễn Thị Tịnh được đề cử làm giám đốc nhà trường cho đến những năm đầu thập niên 1970. Các nữ tu củng cố nền nếp sinh hoạt, trật tự, kỷ luật, sửa chữa và trang bị thêm cơ sở vật chất, thời gian này hoạt động của trường Carmelite Lái Thiêu đi vào hoạt động ổn định và chuyên sâu, trường là cơ sở bác ái của tổ chức Công giáo đến năm 1975.

Số lượng học sinh được đào tạo tại trường có nhiều biến thiên. Buổi đầu mới thành lập trường số lượng học sinh chưa nhiều, trong vòng 37 năm (1866 - 1903) trường chưa có cơ sở vật chất hoàn chỉnh, đội ngũ giáo viên chưa qua đào tạo chuyên nghiệp nên chỉ có từ năm đến 20 học sinh. Trong vòng bốn năm (1934 - 1937) số học sinh tăng lên 70 em. Từ năm 1967, trường tương đối hoàn chỉnh về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên, số lượng học sinh tăng nhanh, gần 400 em, từ năm 1968 đến 1970 tăng gần 500 học sinh, trong năm học 1971 - 1972 là 550 học sinh, năm học 1972-1973 số học sinh cao nhất trong lịch sử hoạt động của trường, 600 em.

Bảng 1. Tình hình học sinh trường Carmelite Lái Thiêu (1866-1973)



(Nguồn: Trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật Thuận An, 2018).

Từ năm 1975 đến nay trường trải qua nhiều lần đổi tên và thuộc sự quản lý của các cơ quan nhà nước (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng chức năng đào tạo trẻ khuyết tật vẫn không thay đổi cho thấy tầm quan trọng của trường đối với xã hội.

Như lời nữ tu Nguyễn Thị Kim Sang cho biết, công việc tại trường Carmel Lái Thiêu là công tác “tông đồ” của những nữ tu dòng Phaolô. Họ đã cống hiến đời mình cho công việc giáo dục và giúp đỡ trẻ em khuyết tật Carmel, họ là tấm gương của lòng bác ái và sự hy sinh tận tụy vì người khác, tiêu biểu như Soeur Marie Claire Nguyễn Thị Phúc, Soeur Monica Nguyễn Thị Tịnh, Soeur Marie Ngô Thị Mai Anh, Soeur Lidwina Lê Thị Huê, Soeur Thérèse Trịnh Thị Đào.

Giáo dục phổ thông

Sắc lệnh do Tổng thống Cộng hòa Pháp, Alexandre Millerand ký và ban hành tại Đông Dương ngày 18/9/1924 cho phép hình thành hệ thống giáo dục tư thực Công giáo có chung một chương trình giảng dạy với trường Pháp – Việt từ cấp Tiểu học đến Trung học. [Lê Thị Hoa Marie, 2022: 8].

Tại Lái Thiêu, đầu năm 1936, được sự đồng ý của Linh mục Chánh xứ, nữ tu dòng Thánh Phaolô mở trường *Tư thực Công giáo Lái Thiêu* dành cho học sinh tiểu học tại giáo xứ (ban đầu có năm lớp) giống như trên toàn cõi Việt Nam “Hệ thống giáo dục Công giáo phần lớn do nữ tu dòng Thánh Phaolô thành Chartres đảm nhận giảng dạy sơ cấp tại các trường học giáo xứ mở” [Lê Thị Hoa Marie, 2022: 12].

Trường *Tư thực Công giáo Lái Thiêu* do nữ tu Élisabeth Lê Thị Khéo (sinh năm 1896) làm hiệu trưởng (kiêm luôn giảng dạy lớp Nhút), nữ tu Francoise dạy lớp Nhì, Victorine Nguyễn Thị Hiệp (sinh năm 1913) dạy lớp Ba, nữ tu Monique dạy lớp Tư và nữ tu Thérèse Nguyễn Thị Thân (sinh năm 1845) dạy lớp Năm cùng với một số nữ tu khác cùng góp phần giáo dục học sinh [Vũ Văn Hợp, 2012:126, 238].

Đến năm 1960, số học sinh tăng lên linh mục cho xây thêm hai dãy phòng gồm 12 lớp, một hội trường và một phòng dành cho giáo viên. Khi học sinh hoàn thành bậc lớp tiểu học phải đi học khá xa để

tiếp tục học Trung tiểu học ở trường công. Thấy được sự bất cập này, Nữ tu Bernadette L.J Lê Thị Loan (sinh năm 1930) đã xin phép bề trên mở thêm trường Trung Tiểu học Thánh Phaolô dành cho nữ sinh đã học xong tiểu học vào năm 1968.

Theo nghị định ngày 22/01/1930 của Toàn quyền Đông Dương chương trình giáo dục trong các trường tư thực Công giáo từ cấp tiểu học (cấp I) đến trung tiểu học (cấp II) ngang hàng với các trường công lập: từ quy định bằng cấp đến khả năng sư phạm và giáo dục. Nên dù học tại trường làng ở giáo xứ học sinh vẫn nắm bắt được kiến thức học thuật [Lê Thị Hoa Marie, 2022: 15].

Cụ thể, tại trường Tư thực Công giáo Lái Thiêu, chương trình chính khóa giống chương trình được dạy ở trường Pháp -Việt thuộc hệ thống giáo dục công của chính quyền thuộc địa tại Nam Kỳ. “Trường cấp tiểu học, hệ 5 năm học các môn: khái luận về tiếng Pháp; số học: 4 phép tính, hệ mét, tương quan hệ thống đo lường Pháp – Việt. Trường cấp Trung tiểu học hệ 3 năm học các môn: tiếng Pháp: văn phạm, tập đọc, tập viết, tường thuật, luận, dịch ngược, dịch xuôi, đặc biệt là dịch từ chữ Quốc ngữ sang tiếng Pháp và kỹ năng thực hành tiếng Pháp; số học: 4 phép tính, phân số, quy tắc tam suất, phép chiết khấu, phép tính lợi tức; hình học: đo diện tích và thể tích; địa lý: khái quát về 5 châu, đặc biệt là địa lý nước Pháp và các thuộc địa của Pháp” [Cục Văn thư lưu trữ nhà nước – Trung tâm lưu trữ Quốc gia 1, 2016: 46].

Không chỉ dạy kiến thức, trường còn rất chú trọng đến việc dạy đạo đức bởi “các nhà giáo dục Công giáo chú trọng đến chuẩn mực luật lệ liên quan đến hành vi đạo đức, như: công bằng, trung thành, trung thực, tôn trọng lời nói và giữ lời hứa” [Lê Thị Hoa Marie, 2022: 10]. Cần thừa nhận việc giảng dạy đạo đức trong trường không có gì trái ngược với đạo Hiếu theo truyền thống Việt Nam. Chương trình giáo dục đạo đức tại nhà trường luôn hướng tới mục tiêu giáo dục hài hòa giữa văn hóa giáo dục Nho giáo và văn hóa giáo dục Kitô giáo, nhằm “phát triển trí tuệ cho học sinh, bằng sự hướng dẫn vững chắc và hình thành nhân sinh, nhân bản, bằng một tinh thần kỷ luật mạnh mẽ và giàu tính nhân ái, tạo nên những con người ngay thẳng, quảng đại và những công dân tận tụy cho lợi ích xã hội” [Lê Thị Hoa Marie, 2022: 15].

Hơn thế, chính lối sống tốt lành, thánh thiện, yêu thương, quên mình phục vụ của các nữ tu đảm nhận vai trò giảng dạy đã góp phần hình thành một thế hệ trẻ có đức và có tài cho Lái Thiêu. Tấm gương của các nữ tu đã khắc sâu trong tâm khảm những học sinh của trường Tư thực Công giáo Lái Thiêu, như lời của Hồ Thị Kim Ngân kể lại về nữ tu Élisabéth Lê Thị Khéo, hiệu trưởng và cũng là người trực tiếp dạy:

“con đường tu tập và truyền giáo của Soeur (Élisabéth Lê Thị Khéo) gắn liền với lịch xây dựng và phát triển của trường Tiểu học Công giáo, giáo xứ Lái Thiêu.

(...) Điều đáng quý nhất ở Soeur là Soeur đặc biệt lưu tâm giúp đỡ, an ủi, chia sẻ với những đứa học trò nhỏ thuộc những gia đình nghèo khó, thiếu thốn. Con không thấy Soeur cưng nịnh những bạn có gia đình khá giả hơn. Soeur đã công bằng chia sẻ tình thương cho tất cả chúng con (...) Soeur đã dùng tình thương, kiên trì khuyên răn, dạy bảo tụi con nên người tử tế... Soeur làm nhiệm vụ truyền giáo bằng cách làm cô giáo. Soeur giảng dạy giáo lý thật giản dị, dễ hiểu

Tụi con may mắn được học tiếng Pháp từ bậc Tiểu học, giờ không còn nhớ nhiều những vẫn thuộc lầu lầu món vocabulaire nhờ cách dạy của Soeur.

Con nhờ hoài giờ học toán với cách tính diện tích khăn trải bàn. Cả chiều dài và chiều rộng đều phải cộng thêm phần rủ xuống ở hai bên. Soeur kéo tấm khăn trải bàn trước mặt, tỉ mỉ dạy tụi con theo cách học thực nghiệm rất tiên tiến.

Không chỉ dạy học lớp Nhứt, Soeur còn kiêm nhiệm nhiều việc khác. Công việc quản lý và tổ chức ăn ngủ cho các bạn từ nơi khác đến học ở nội trú.

Các thế hệ 3x, 4x, 5x, 6x của tụi con thật hãnh diện khi có được những người thầy giỏi giảng, tận tụy như Soeur Élisabéth cùng các Soeur khác. Tụi con đã được học trong một môi trường sư phạm rất chuẩn mực và hoàn hảo” [Vũ Văn Hợp, 2012: 112, 137].

Bằng kiến thức chuyên môn và phương pháp sư phạm đã qua đào tạo bài bản (theo quy định của chính quyền như đã đề cập ở trên) cùng với sự tận tâm các nữ tu dòng Thánh Phaolô, đặc biệt là Élisabéth Lê

Thị Khéo và Nữ tu Bernadette L.J Lê Thị Loan với vai trò hiệu trưởng hai trường Tiểu học tư thực Công giáo Lái Thiêu và Trung Tiểu học thánh Phaolô trường hoạt động liên tục cho đến năm 1975, đào tạo nhiều tài năng cho giáo xứ, trong số có đó “một Đức Tổng giám mục Phêrô Nguyễn Văn Tốt nổi tiếng khắp năm châu và 17 linh mục, nhiều tu sĩ nam nữ xuất thân từ ngôi trường nhỏ bé này” [Vũ Văn Hợp, 2012: 112, 137]. Điều này cho thấy, sự đóng góp to lớn của trường đối với nền giáo dục Công giáo hay giáo dục của tỉnh Thủ Dầu Một thời bấy giờ.

Nuôi dạy trẻ mồ côi

Tiếp nối đường lối của linh mục tiền nhiệm Azémar, linh mục Ernest Verney thành lập Cô nhi viện (khi đó tên là Nhà Mồ Côi – La Crèche) vào năm 1910, tiếp nhận chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em bị mồ côi do hoàn cảnh éo le của bố mẹ hoặc trẻ em đau yếu tật nguyền, dị dạng gia đình muốn trút bỏ gánh nặng hoặc không có điều kiện chăm sóc.

Việc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ mồ côi do các nữ tu dòng Thánh Phaolô đảm nhiệm theo lời mời của Linh mục Chánh xứ Jean Ernest Verney (1895 - 1915) đến từ năm 1903. Điều kiện cơ sở vật chất còn thiếu thốn “ngôi nhà một lầu bằng gỗ ọp ẹp, nóc lợp ngói, mặt tiền hướng về phía nhà thờ” là nơi ở của các nữ tu (trên lầu) và là chỗ ở của trẻ mồ côi (dưới trệt). Dù vậy, Cô nhi viện Lái Thiêu vẫn hoạt động theo khuôn mẫu của cô nhi Pháp. Tại đây trẻ mồ côi bị khuyết tật được chăm sóc đến hơi thở cuối cùng. Những trẻ có khả năng học được tạo điều kiện để tiếp tục học ở trường Tư thực Công giáo Lái Thiêu, hay sau đó là trường Trung tiểu học học Thánh Phaolô nhằm giúp các em tự lập và hòa nhập với cộng đồng. Lớn lên, các em có thể lập gia đình đi ở riêng, hoặc tiếp tục ở lại Cô nhi viện phục vụ noi gương các nữ tu.

Mọi chi phí cho thuốc men, quần áo, thực phẩm, dụng cụ học tập và các chi phí khác đều do viện tự trang trải nên gặp không ít khó khăn. Có vậy mới hiểu được, sự nhiệt thành và lòng bác ái của linh mục Ernest Verney và các nữ tu dòng Phaolô đến nhường nào. Họ vất vả đi “gõ cửa” nhiều nơi kêu gọi sự đóng góp của những người nhân

ái và hảo tâm và được đáp lại. Nhờ đó, chỉ trong ba năm đầu thành lập (1910-1912), Cô nhi viện tiếp nhận 305 em, mỗi năm cứu sống hàng trăm trẻ em [Vũ Văn Hợp, 2012: 60]. Và cứ thế, bằng sự đóng góp của nhiều người, nhiều tổ chức, viện đã hoạt động liên tục đến năm 1954 mới chuyển giao các em cho Cô nhi viện Quốc gia Gò Vấp.

Trong bối cảnh “từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX, chính quyền chỉ dừng lại ở việc trợ cấp (cho các cô nhi viện) chứ chưa thực hiện như một trách nhiệm xã hội của nhà nước được quy định cụ thể theo pháp lý” [Nguyễn Thị Kim Nương, 2019: 91]. Cô nhi viện Lái Thiêu đã thực hiện tốt chức năng xã hội của một tổ chức tôn giáo, mang lại sự sống và mái nhà thứ hai cho hàng ngàn trẻ em thiếu may mắn, mà không có tổ chức nào thực hiện được lúc bấy giờ.

Kết luận

Họ đạo đầu tiên của Công giáo Bình Dương (thuộc giáo phận Phú Cường ngày nay) hình thành bởi chính những người Công giáo di cư từ miền Thuận Quảng khi ấy hoàn toàn chưa có tầng lớp tăng lữ. Sau hơn 35 năm (trước 1747 -1782) họ đạo trở thành giáo xứ Lái Thiêu có Linh mục quản nhiệm. Dưới triều Gia Long, giáo xứ Lái Thiêu trở thành nơi đặt Tòa Giám mục và Viện chủng sinh của giáo phận Tây Đàng Trong trong 43 năm (1789 -1833). Từ sau năm 1833 đến năm 1861, các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức đã thi hành chính sách cấm đạo rất gắt gao, Tòa giám mục được chuyển về Thị Nghè, Sài Gòn; giáo dân, Linh mục tản mác đi các vùng hẻo lánh để khi cơn cấm đạo ở miền Nam lắng xuống, chính những nơi này các họ lẻ của giáo xứ Lái Thiêu lần lượt ra đời đánh dấu sự phát triển của giáo xứ Lái Thiêu: họ Tân Quy, Bó Mua, Thủ Đức. Sau Hiệp ước Nhâm Tuất (1862), đặt biệt khi chính quyền thuộc địa Pháp ở Nam Kỳ hỗ trợ vật chất cho Hội Thừa sai Paris như: trả lương cho các thừa sai Pháp, các linh mục và thầy giảng người Việt; chu cấp tiền bạc xây dựng các trường đào tạo thầy giảng, xây cất các nhà thờ và nhà nguyện mới, trợ giúp một số cộng đoàn Kitô hữu, hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động từ thiện xã hội, giáo xứ Lái Thiêu có điều kiện thực hiện các chức năng xã hội của một tôn giáo. Linh mục chánh xứ mở trường học dành cho trẻ em khuyết tật – trường Cầm điếc Lái Thiêu; trường

tư thực tiễn, trung học Công giáo; lập cô nhi viện nuôi trẻ mồ côi. Tuy nhiên, từ sau khi thành lập giáo phận Phú Cường (tách khỏi giáo phận Sài Gòn, năm 1965), Lái Thiêu mất vai trò trung tâm, thay vào đó trung tâm của giáo phận Phú Cường được chuyển về Giáo xứ Chánh tòa Phú Cường./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Pierre Joseph Georges Pigneau de Behaine là người cai quản giáo phận Đàng Trong và cả nhà thờ Lái Thiêu vì lúc bấy giờ Lái Thiêu là trung tâm của cả giáo phận.
- 2 Bức thư Gagelin viết tháng 12/1862. Trích Annales de L'association de la Propagation de la Foi 17 tháng 5/1829.
- 3 Nguyễn văn tiếng Pháp xem A.M.E.P, vol. 746, p. 704; Adrien LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine*, quyển III, tr. 267.
- 4 Nguyễn văn tiếng Pháp xem A.M.E.P, vol. 746, p. 770; Adrien LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine*, quyển III, tr. 268.
- 5 Nguyễn văn tiếng Pháp xem A.M.E.P, vol. 746, p. 770; Adrien LAUNAY, *Histoire de la Mission de Cochinchine*, quyển III, tr.602.
- 6 Nguyễn văn “Ce grand village chrétien de Lai thieu a été longtemps la résidence de chefs missionnaire de la Basse-Cochinchine” trong Lucien de Grammont (1863).
- 7 Năm 1965 giáo phận Phú Cường tách khỏi giáo phận Sài Gòn, trung tâm của giáo phận được chuyển từ Lái Thiêu về giáo xứ Chánh Tòa Phú Cường

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adrien Launay (1894), *Histoire de la Société de Étrangère tome 2*, Paris.
2. Adrien Launay (1924), *Histoire de la Mission de Cochinchine 1658-1823, Documents Historiques*, Maisonneuve Frères Paris.
3. Nguyễn Anh et all (1987), *Biên niên lịch sử cổ trung đại Việt Nam : từ đầu đến giữa thế kỷ XIX*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Đỗ Bang (2010), “Triều Nguyễn với Thiên Chúa Giáo”, Bảo tàng Nhân học, <https://baotanglichsu.vn.>, Đăng tải ngày 30/11/2018, Truy cập ngày 31/10/2023.
5. Cục Văn thư lưu trữ nhà nước - Trung tâm lưu trữ Quốc gia 1 (2016), *Giáo dục Việt Nam thời thuộc địa qua tài liệu và tư liệu lưu trữ (1858 - 1945)*, Nxb Thông tin & truyền thông.
6. Cao Thế Dung (2003), *Việt Nam Công giáo Sử Tân Biên (1553-2000)*, quyển III, Dân Chúa xuất bản.
7. Trần Đức Duy (2022), “Vua Gia Long và Tổng trấn Lê Văn Duyệt với đạo Công giáo”, <https://www.maikhoi.net>. Truy cập ngày 1/11/2023.
8. Lê Quý Đôn (1964), *Phủ Biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

9. Họ Bà Rịa, *Phước Tuy máu lửa*, Kỷ yếu kỷ niệm 100 năm ngày ngục giam bị đốt (1862 - 1962), lưu hành nội bộ.
10. Nguyễn Hiếu Học (2017), *Dấu xưa đất Thủ*, Nxb Trẻ, T.p Hồ Chí Minh.
11. Hội Đồng Giám mục Việt Nam (2016), *Niên giám Giáo hội Công giáo Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội
12. Vũ Văn Hợp (2012), *Kỷ yếu Giáo xứ Lái Thiêu*, Nxb. Thời Đại, Hà Nội.
13. Phan Phát Huôn (1958). *Việt Nam giáo sử*. tập I. Sài Gòn.
14. Lê Văn Khuê (2015), “Công giáo tại Đồng bằng Nam Bộ trong các thế kỷ XVII và XVIII”, *Tạp san Hiệp Thông*, Hội đồng Giám mục Việt Nam, Số 87, đăng trên <https://hdgmvietnam.com>, Ngày đăng tải 15/10/2020, Ngày truy cập 28/04/2024.
15. Nguyễn Văn Kiệm (2001), *Sự du nhập của đạo Thiên chúa giáo vào Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.
16. Lucien de Grammont (1863), *Onze mois de sous-préfecture en Basse-Doichinchine: contenant, en outre, une notice sur la langue Cochinchinoise, des phrases usuelles Françaises-Annamites, des notes nombreuses et des pièces justificatives, avec une grande carte de la Basse Cochinchine*, Napoleon – Vendée J.Sory Imprimeur, Paris.
17. Lê Thị Hoa Marie (2022), “Giá trị giáo dục tại các trường tư Công giáo dưới thời Pháp thuộc”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4, tr.3-19.
18. Nguyễn Thị Kim Nương (2019), “Chính sách đối với cô nhi viện của chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1966-1975)”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 10, tr.89-99.
19. Châu Đạt Quan (Lê Hương d) (1970), *Chân Lạp phong thổ ký*. Sài gòn.
20. Quốc Sử quán triều Nguyễn (1960), *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập XI, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Nguyễn Văn Quý (1991), *Sưu tập Những họ đạo cổ xưa Tây Đàng Trong*, Bản đánh máy.
22. Taboulet (1940), “La Révolte et la guerre des Tayson d'après les Franciscains Espagnols”, *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, Volume 15.
23. Vũ Đức Thành (1999). *Thủ Dầu Một-Bình Dương Đất Lành Chim Đậu*. NXB Văn Nghệ. Hà Nội.
24. Nguyễn Văn Tề, Sự hình thành và phát triển của giáo phận Tây Đàng Trong, <http://www.lasan.org>, Đăng tải ngày (không có), Truy cập ngày 28/04/2024
25. Nguyễn Văn Tiền (2015), *Giáo xứ Búng xưa và nay*, Bản đánh máy.
26. Tạ Chí Đại Trường (1973), *Lịch sử nội chiến ở Việt Nam 1771-1802*, Sài Gòn.
27. Truyền thông Vatican (2018), “Đức tin được thông truyền nhờ tình yêu và đời sống chúng ta”, <https://dongten.net>, Đăng tải ngày 03/05/2018, Truy cập ngày 25/5/2024.

28. Tùng Phêrô Nguyễn Thanh Tùng (2012), “Đại chủng viện thánh Giuse Sài Gòn – 150 hình thành và phát triển” trong Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Bản tin Hiệp Thông*, số 70 (tháng 5 & 6), Đăng tải ngày 24/01/2022, Truy cập ngày 26/04/2024.
29. Lê Văn Viện (2016), *Diễn trình về chính sách của vua Minh Mạng đối với Thiên chúa giáo (1820-1840)*, <https://nghiencuulichsu.com>, Đăng tải ngày 28/12/2016, Truy cập ngày 27/10/2023.

Abstract

LAI THIEU PARISH: BINH DUONG CATHOLICISM'S CENTER FOR MISSION AND SOCIAL ACTIVITIES (1747-1965)

Nguyen Van Hiep, Tran Hanh Minh Phuong.
Thu Dau Mot University, Binh Duong

Along with the rigorous religious prohibition policy of the Nguyen lords, the Trinh-Nguyen power struggle lasted for 45 years (1627–1672), leaving the population of Thuan Quang not only materially but also mentally destitute and forcing them to flee their hometown in search of a new home. The first Catholic immigrants found Binh An (now Binh Duong), a vast area with few inhabitants, the ideal place to settle. In the first half of the 18th century, the first parish was founded in Binh Duong, that was Lai Thieu parish, and in the 19th century, it became the hub of the Cochinchine Diocese, housing the Archbishop's Palace and serving as a seminary for training seminarians. It is based on parish documentary sources, diocesan information sheets, missionaries' research, and fieldwork data, including in-depth interviews with priests and parishioners and inscriptions at the Lai Thieu cemetery. This paper aims to present information about the social context and birth of the parish; the religious life of parishioners; the central role of the parish for the Cochinchine diocese; the role of transmitting faith; and the role of educating disabled children and nurturing orphans. The article also clarifies more about Binh Duong Catholicism's history and social function between 1747 and 1965.

Keywords: Catholicism, Parish, Lai Thieu, Binh Duong.